THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC Y TẾ VÀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI: CƠ HỘI TỪ CÁC NGHỊ QUYẾT MỚI CỦA VIỆT NAM

LÊ HỒNG NGỌC

Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững

Institute of Human Geography and Sustainable Development

Email: ngoclh.gm@gmail.com

Ngày nhận bài: 4/6/2026

Ngày sửa bài: 22/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 8/7/2026

Tóm tắt:

Thời gian qua, thương mại quốc tế trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội đã đạt được những kết quả tích cực, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu phát triển mới tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, các Nghị quyết mới của Đảng mang ý nghĩa chiến lược, mở ra cơ hội cho lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra ngày càng sâu rộng. Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan nghiên cứu và dữ liệu thứ cấp nhằm khái quát chủ trương trong một số Nghị quyết mới của Đảng và thực trạng thương mại quốc tế trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội của Việt Nam trong giai đoạn 2020 - 2024, qua đó chỉ ra cơ hội từ các định hướng nêu trên. Đồng thời, bài viết cũng đề xuất một số hàm ý nhằm tối ưu hóa cơ hội chiến lược để thúc đẩy thương mại quốc tế trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội của Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: *y tế, trợ giúp xã hội, thương mại quốc tế, nghị quyết, Việt Nam.*

International trade in health and social work: Opportunities arising from Vietnam's new resolutions

Abstract:

This study examines Vietnam's international trade in health and social work and the development opportunities created by recently adopted national resolutions. Using a literature review and secondary data, the study summarizes major policy orientations and evaluates the sector's international trade performance during 2020 - 2024. The findings show increases in output value, value added, exported value added, and participation in global value chains, although backward linkages remain substantially stronger than forward linkages. New policy directions create opportunities to expand markets, attract high-quality foreign investment, strengthen research and technology transfer, develop internationally competitive specialized healthcare services, and improve workforce quality. The study recommends strengthening domestic capabilities, reducing dependence on imported inputs, expanding global value-chain participation, improving institutional coordination, and developing high-value healthcare and social work services.

Keywords: *health, social work, international trade, resolutions, Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Không chỉ là một lĩnh vực xã hội, y tế và trợ giúp xã hội còn là một ngành nghề kinh tế tại Việt Nam với những kết quả tăng trưởng tích cực trong thời gian qua: Từ năm 2020 đến năm 2025, tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành tăng từ 194,42 lên đến 378,82 nghìn tỷ đồng, cơ cấu trong tổng sản phẩm trong nước tăng từ 2,42 lên 2,95%, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành tăng từ 57,78 lên đến 73,19 nghìn tỷ đồng; được cấp phép đón nhận 15 dự án đầu tư của nước ngoài với tổng vốn 1,85 tỷ đô-la Mỹ và thực hiện 20 dự án đầu tư ra nước ngoài với tổng vốn 70,20 triệu đô-la Mỹ (NSO, 2026a).

Thực trạng doanh nghiệp và lao động trong ngành này cũng ghi nhận: Từ năm 2020, số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12 hàng năm tăng từ 4.095 lên đến 7.029 doanh nghiệp trong năm 2024, số doanh nghiệp thành lập mới tăng từ 901 lên đến 1.638 doanh nghiệp trong năm 2023, số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm tăng từ 2.941 lên đến 4.239 doanh nghiệp trong năm 2023, số lao động có việc làm tăng từ 604,40 lên đến 688,90 nghìn người trong năm 2025, cơ cấu trong tổng lao động có việc làm tăng từ 1,10 lên đến 1,30% trong năm 2025, tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế đã qua đào tạo tăng từ 89,80 lên đến 91,40% trong năm 2025, năng suất lao động tăng từ 321,60 lên đến 549,90 triệu đồng/lao động trong năm 2025 (NSO, 2026b).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa với sự biến động của các chuỗi giá trị toàn cầu (GVC) và các hiệp định thương mại tự do, Việt Nam đã và đang chuyển dịch ngành kinh tế y tế và trợ giúp xã hội một cách mạnh mẽ về tư duy và hành động, hướng đến sự chủ động tham gia GVC và mạng lưới thương mại toàn cầu về y tế và trợ giúp xã hội. Quá trình này trở nên cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược khi Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới được định hình bởi các Nghị quyết mới mang tính đột phá của Đảng, tạo ra cơ hội cho lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội tại Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Y tế và trợ giúp xã hội là lĩnh vực có đóng góp đáng kể vào giá trị sản lượng của nền kinh tế và bù đắp cho sự sụt giảm giá trị gia tăng (GTGT) của các ngành sản xuất một cách trực tiếp và gián tiếp thông qua hiệu ứng lan tỏa (Whitfield, 2015). Toàn cầu hóa tác động sâu sắc đến thực tiễn phát triển của lĩnh vực này, làm thay đổi cách thức cung ứng các dịch vụ, biến đổi quy trình lao động và tạo ra những vấn đề mới đối với các nhà hoạch định chính sách (Dominelli, 2010). Điển hình như trong bối cảnh các quốc gia không thể tránh khỏi những hậu quả nghiêm trọng do sự phụ thuộc vào các chuỗi cung ứng bị đứt gãy do COVID-19, hội nhập toàn cầu trở thành yếu tố thiết yếu quan trọng hơn bao giờ hết để kiềm chế những hậu quả về kinh tế - xã hội và giúp các quốc gia vượt qua khủng hoảng (Nixon, 2020). Kể từ khi chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới, việc hội nhập để tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội là một trong những trọng tâm phát triển quan trọng của Việt Nam (Bùi Quỳnh Anh, 2007). Hội nhập quốc tế hướng tới hợp tác trên mọi lĩnh vực, tạo điều kiện gắn kết chặt chẽ giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới nhưng cũng đặt ra những yêu cầu nghiêm ngặt, đặc biệt đối với lĩnh vực y tế (Nguyễn Thị Quỳnh Trang, 2020) và trợ giúp xã hội (Nguyễn Hữu Dũng, 2017) ở Việt Nam, từ nhận thức đúng về vai trò của lĩnh vực này cho đến cơ hội của các doanh nghiệp, bảo đảm sự ổn định vĩ mô phù hợp với tình hình ở mỗi giai đoạn cụ thể của đất nước (Phạm Hữu Nghị, 2019).

2.2. Phương pháp nghiên cứu và cơ sở dữ liệu

Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan nghiên cứu và dữ liệu thứ cấp nhằm khái quát chủ trương trong một số Nghị quyết mới của Đảng và thực trạng thương mại quốc tế trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã

hội của Việt Nam trong giai đoạn 2020 - 2024, qua đó chỉ ra cơ hội từ các định hướng nêu trên và đề xuất một số khuyến nghị cho Việt Nam. Bài viết khai thác và sử dụng số liệu toàn cầu hóa của Ngân hàng Phát triển Châu Á đối với ngành sức khỏe và dịch vụ xã hội (ADB, 2026) và số liệu thống kê của Cục Thống kê - Bộ Tài chính Việt Nam đối với lĩnh vực sức khỏe và hoạt động trợ giúp xã hội (NSO, 2026b) của Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu (do tính cập nhật và tương thích về phương pháp luận của các cơ sở dữ liệu được sử dụng trong bài).

3. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

3.1. Chủ trương trong một số Nghị quyết mới của Đảng về phát triển lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội trong bối cảnh hội nhập mới của Việt Nam

Chủ trương hội nhập quốc tế của Đảng xác định hội nhập kinh tế là trung tâm, đi trước hội nhập sâu rộng và toàn diện[1]. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới nhấn mạnh một trong các mục tiêu: Nắm bắt và thích ứng với các xu thế quốc tế quan trọng để phục vụ phát triển và bảo vệ đất nước; mở rộng và đa dạng hóa thị trường; nâng cao GTGT và hàm lượng khoa học công nghệ trong thương mại và phát triển bền vững; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm; xây dựng các thương hiệu mạnh và có vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị và cung ứng toàn cầu... Nghị quyết này cũng xác định một trong những phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế: Tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi sản xuất, giá trị và cung ứng toàn cầu, thu hút đầu tư chất lượng cao và các lĩnh vực khác có tiềm năng tạo động lực mới cho tăng trưởng.

Nghị quyết này nhấn mạnh giảm nghèo bền vững, an ninh lương thực, bảo vệ quyền trẻ em, y tế, bình đẳng giới là các vấn đề mà Việt Nam có thế mạnh để đẩy mạnh hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, y tế...; từ đó xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp: Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực, quản lý khám chữa bệnh, y tế dự phòng, quản lý môi trường và thiết bị y tế; đẩy mạnh hợp tác về chia sẻ bản quyền và công nghệ nhằm đưa ngành công nghiệp dược tham gia các GVC; phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu ngang tầm quốc tế... Nhìn chung, y tế, chăm sóc sức khỏe và thực hiện an sinh xã hội tại Việt Nam luôn được Đảng và Nhà nước chú trọng trong việc xây dựng và phát huy vai trò của nguồn nhân lực, đặt trong tổng thể phát triển bền vững của đất nước[2]. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam xác định "Chuyển dịch hệ thống y tế từ mô hình chữa bệnh sang phòng bệnh và chăm sóc sức khoẻ toàn diện, bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ" là một trong các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.

Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân khẳng định: Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nhiều chủ trương, đường lối, chính sách được ban hành, tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt những thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, Đảng cũng nhấn mạnh công tác này cần có sự thay đổi mạnh mẽ và toàn diện trước những yêu cầu cấp bách của thực tiễn hiện nay. Vì vậy, Đảng xác định một số nhiệm vụ, giải pháp: Phát triển y tế chuyên sâu đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế. Thúc đẩy liên kết giữa bệnh viện, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm phát triển y học công nghệ cao, chuyên sâu; tập trung phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu chất lượng cao ngang tầm khu vực, quốc tế để thu hút, phát triển du lịch chữa bệnh tại Việt Nam, giảm tình trạng người dân ra nước ngoài chữa bệnh [...] Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật, khoa học, công nghệ, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực y tế và trao đổi, phát huy các thế mạnh, tiềm năng của y tế Việt Nam. Ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài, đội ngũ trí thức, chuyên gia có chất lượng cao trong lĩnh vực y tế từ nước ngoài vào Việt Nam đầu tư và làm việc...

3.2. Thực trạng thương mại quốc tế trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội của Việt Nam

Trong bối cảnh thương mại quốc tế GVC từ năm 2020 đến năm 2024, y tế và trợ giúp xã hội của Việt Nam ghi nhận: Quy mô giá trị tăng từ 17,69 tỷ đô-la Mỹ lên đến 26,61 tỷ đô-la Mỹ, GTGT tăng từ 8,43 tỷ đô-la Mỹ lên đến 12,67 đô-la Mỹ, GTGT xuất khẩu tăng từ 43,57 triệu đô-la Mỹ lên đến 75,42 triệu đô-la Mỹ, chỉ số tham gia GVC duy trì 0,85, chỉ số tham gia GVC bằng liên kết xuôi tăng từ 0,02 lên 0,03 và chỉ số tham gia GVC bằng liên kết ngược duy trì 0,82 (ADB, 2026). Trong toàn giai đoạn, ngành có xu hướng: Tăng về quy mô giá trị, GTGT, GTGT xuất khẩu, chỉ số tham gia GVC bằng liên kết xuôi nhưng giảm về chỉ số tham gia GVC bằng liên kết ngược và chỉ số tham gia GVC tổng thể. Trong giai đoạn này, ngành có mức độ tham gia GVC cao hơn trung bình chung của nền kinh tế Việt Nam.

Hình 1. Thương mại trong GVC của lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội của Việt Nam trong giai đoạn 2020 - 2024

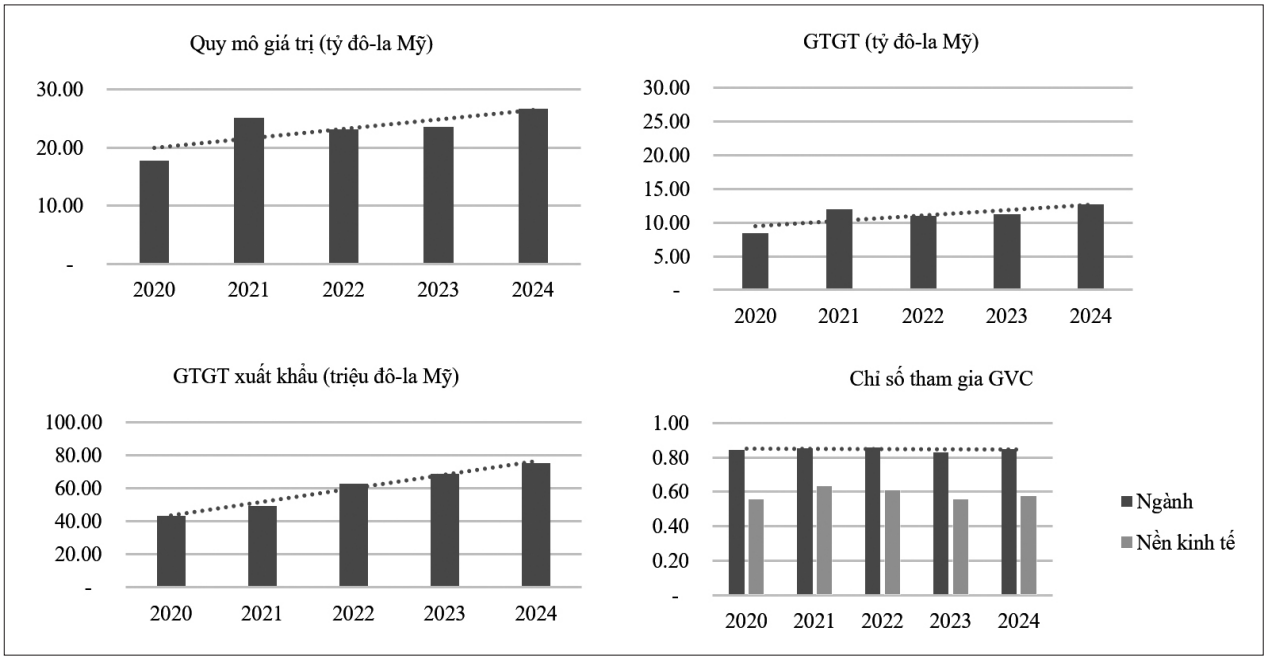

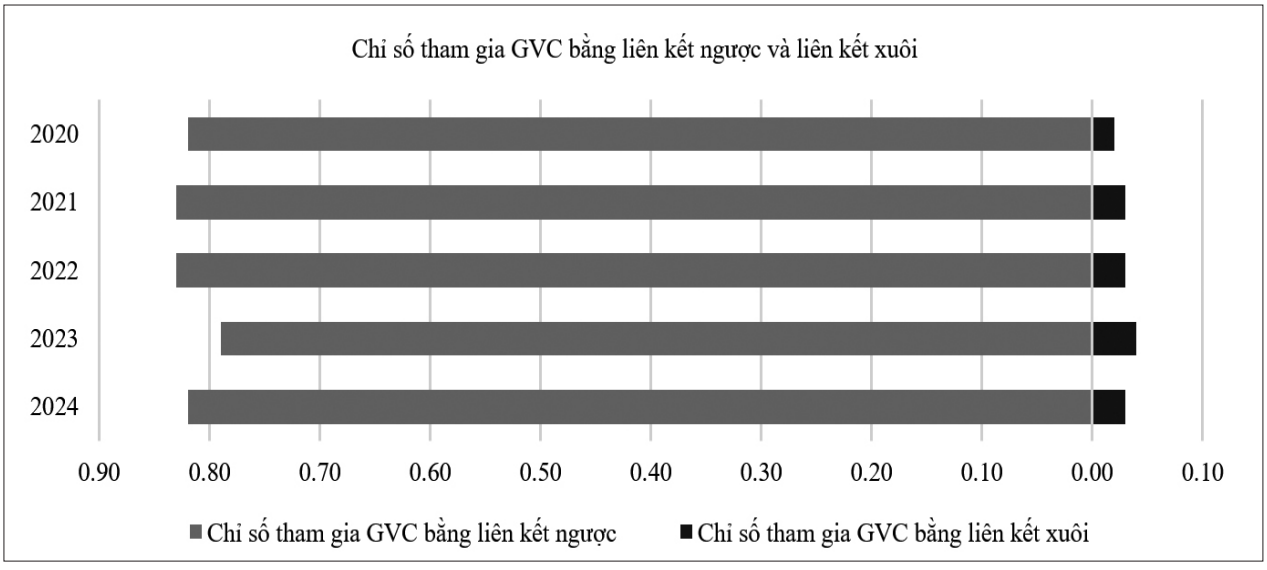

Nguồn: Tổng hợp từ ADB (2026)

Giai đoạn này là thời kỳ các quốc gia chịu ảnh hưởng trong và sau đại dịch COVID-19. Y tế và trợ giúp xã hội là lĩnh vực trực tiếp chịu sức ép về nguồn lực và sự đứt gãy trong chuỗi cung ứng trong đại dịch, tuy nhiên, cũng trở thành động lực cốt lõi trong việc khắc phục hậu quả và khôi phục tăng trưởng của nền kinh tế. Tại Việt Nam, ngành này tiếp tục duy trì tăng trưởng về cả quy mô giá trị (17,69 tỷ đô-la Mỹ lên đến 25,07 tỷ đô-la Mỹ), GTGT (8,43 tỷ đô-la Mỹ lên đến 11,94 tỷ đô-la Mỹ), GTGT xuất khẩu (43,57 triệu đô-la Mỹ lên đến 49,55 triệu đô-la Mỹ) và chỉ số tham gia GVC (0,56 lên đến 0,63) từ năm 2020 đến năm 2021 (ADB, 2026).

3.3. Cơ hội cho lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội từ các Nghị quyết mới của Việt Nam

Các Nghị quyết mới nêu trên của Đảng cho thấy, những chủ trương và định hướng chiến lược đối với sự phát triển của y tế và trợ giúp xã hội tại Việt Nam, vừa gắn với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, vừa gắn với nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh và sự tham gia GVC sâu rộng một cách toàn diện về nghiên cứu, công nghệ, đào tạo, đầu tư... Trong giai đoạn 2020 - 2024, ngành này của Việt Nam ghi nhận những kết quả thương mại quốc tế khả quan, ngay cả trong và sau thời kỳ nền kinh tế chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19: Sự mở rộng về quy mô giá trị, GTGT, GTGT xuất khẩu, sự ổn định và mức độ tham gia GVC cao hơn trung bình của nền kinh tế. Điều này cho thấy, đây là một lĩnh vực có được nền tảng tăng trưởng và hội nhập nhất định để tiếp tục mở rộng thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, các chủ trương mới của Đảng trong các Nghị quyết nêu trên và thực trạng của ngành có sự phù hợp khi nhấn mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển ngành chuyên sâu, thu hút đầu tư chất lượng cao, đào tạo nhân lực... để phát triển y tế và trợ giúp xã hội trong bối cảnh phát triển tổng thể và bền vững của đất nước.

Trong bối cảnh đó, y tế và trợ giúp xã hội của Việt Nam có được cơ hội: Đẩy mạnh tham gia GVC theo hướng sâu rộng hơn vào thị trường quốc tế, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, nâng cao GTGT và năng lực sản xuất nội địa, thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao vào các hoạt động có tiềm năng tạo động lực mới cho tăng trưởng, tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu và chuyển giao các ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, phát triển các hoạt đông chuyên sâu đạt tiêu chuẩn quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và mở rộng trao đổi chuyên gia và lao động quốc tế... qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh, vị thế trong GVC của ngành. Đây cũng là cơ hội để tạo ra đột phá về thể chế và các nguồn lực phát triển, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung của Việt Nam trong thời gian tới trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội.

Đáng chú ý, ngành có chỉ số tham gia GVC bằng liên kết ngược lớn hơn đáng kể chỉ số tham gia GVC bằng liên kết xuôi, cho thấy ngành sử dụng nhiều đầu vào nhập hơn là xuất khẩu các dịch vụ trung gian trong GVC. Điều này phù hợp với đặc điểm của ngành là đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội trong nước - đặc biệt khi Việt Nam mở rộng hệ thống y tế và trợ giúp xã hội trong giai đoạn trong và sau đại dịch COVID-19 và ít được sử dụng làm đầu vào cho các ngành sản xuất xuất khẩu, nhưng cũng cho thấy sự phụ thuộc vào đầu vào nhập khẩu. Một mặt, chỉ số tham gia GVC bằng liên kết ngược có xu hướng giảm, hàm ý việc giảm sự phụ thuộc vào đầu vào nước ngoài, cho thấy rủi ro về an ninh y tế và trợ giúp xã hội khi GVC có biến động, chưa trở thành một mắt xích quan trọng trong GVC theo hướng xuất khẩu dịch vụ. Mặt khác, chỉ số tham gia GVC bằng liên kết xuôi có xu hướng tăng, hàm ý việc cải thiện khả năng sản xuất và cung ứng nội địa, cho thấy tiềm năng phát triển các dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội có GTGT cao và có thể xuất khẩu. Vì vậy, cơ hội thương mại GVC của Việt Nam trong lĩnh vực này vẫn có nhưng để tận dụng được cơ hội thì cần phải có những định hướng và giải pháp chính sách cụ thể.

4. Kết luận

Tóm lại, lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội tại Việt Nam đã đạt được những thành quả nhất định và đang đứng trước những cơ hội phát triển mang tính bước ngoặt. Sự đồng bộ giữa các chủ trương, định hướng

chiến lược trong các Nghị quyết mới của Đảng và lợi thế hội nhập kinh tế của Việt Nam chính là "bệ phóng" quan trọng để lĩnh vực này mở rộng thương mại quốc tế và nâng cao vị thế trong GVC, qua đó phát triển toàn diện hướng tới tăng trưởng bao trùm và bền vững hơn của đất nước. Các Nghị quyết mới của Đảng đã tạo ra nhiều cơ hội cho y tế và trợ giúp xã hội tại Việt Nam không chỉ trong thương mại quốc tế mà còn cho quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu của lĩnh vực này nói riêng và nền kinh tế quốc gia nói chung.

Tuy nhiên để biến những cơ hội này thành hiện thực, Việt Nam cần chú trọng: Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư vào y tế và trợ giúp xã hội, khuyến khích sản xuất trong nước để cung ứng đầu vào cho các hoạt động y tế và trợ giúp xã hội, tạo sự liên kết giữa các doanh nghiệp nội địa để giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài, phát triển các dịch vụ và mạng lưới hỗ trợ cho công tác y tế và trợ giúp xã hội, tăng cường đầu tư vào các cơ sở y tế và trợ giúp xã hội đạt tiêu chuẩn quốc tế, phát triển các dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội xuyên biên giới để tăng cường liên kết cung ứng, xây dựng các chương trình hợp tác công tư để kết nối ngành y tế và trợ giúp xã hội với các doanh nghiệp xuất khẩu, đào tạo nhân lực y tế và trợ giúp xã hội chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy chuyển giao kinh nghiệm và công nghệ hiện đại ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

[1] Bài viết "Vươn mình trong hội nhập quốc tế" của Tổng Bí thư Tô Lâm.

[2] Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Bộ Chính trị. (2026). Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam.

Bùi Quỳnh Anh. (2007). Phát triển hệ thống an sinh xã hội trong bối cảnh việt Nam gia nhập WTO. Tạp chí Lao động và xã hội, 309, 19-22.

Cục Thống kê (NSO). (2026b). Số liệu thống kê. https://www.nso.gov.vn/so-lieu-thong-ke

Nguyễn Hữu Dũng. (2017). Tiếp tục đổi mới hệ thống trợ giúp xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế giai đoạn 2015 - 2025. Tạp chí Cộng sản, 891, 65-70.

Nguyễn Thị Quỳnh Trang. (2020). Một số yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực y tế Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật (Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương), 30, 117-122.

Phạm Hữu Nghị. (2019). Những yêu cầu của quản lý nhà nước về an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Lý luận chính trị, 4, 28-34.

Dominelli, L. (2010). Globalization, contemporary challenges and social work practice. International Social Work, 53(5), 599-612.

Nixon, S. (2020). Global integration is more importante than ever to contain the economic and health fallout and eixt the COVID-19 pandemic crisis. Research & Policy Briefs, 37.

Whitfield, D. (2015). The new health and social care economy. European Services Strategy Unit.